

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ
tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Văn bản số 1097/BQLDA-MTXH ngày 09/5/2025 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 363/TTr-STNMT ngày 12/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã An Nhơn và huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- BQLDA các công trình
GT&DD tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG ĐƯỜNG CÁT HẠ CẢNH SỐ 2 VÀ CÁC CÔNG TRÌNH
ĐỒNG BỘ TẠI KHU BAY CẢNG HÀNG KHÔNG PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát.
- Địa điểm thực hiện: thị xã An Nhơn và huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Bình Định.
- Địa chỉ liên hệ: 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích: khoảng 192,30ha, tọa độ cụ thể như sau:

Điểm định vị	Tọa độ VN 2000, múi 3 ⁰		Điểm định vị	Tọa độ VN 2000, múi 3 ⁰	
	Tọa độ X(m)	Tọa độ Y(m)		Tọa độ X(m)	Tọa độ Y(m)
T1	1541239,4669	586598,2421	QS14	1542713,4351	585795,4016
T2	1541441,2765	586464,5042	QS15	1542747,7438	585859,6403
T3	1541463,7529	586509,5917	QS16	1542870,1455	585778,5254
T4	1541267,0872	586639,9209	QS17	1542824,3552	585721,8955
T5	1541766,7753	586062,8521	QS18	1544052,6446	584907,9153
T6	1544841,6117	584025,1765	QS19	1544139,3111	584937,4570
T7	1544927,2345	584154,3807	QS20	1544371,8461	584783,3574
T8	1545390,9908	583847,0522	QS21	1544267,3804	584765,6115
T9	1545418,6111	583888,7310	QS22	1544425,4847	584660,8367
T10	1544954,8548	584196,0595	QS23	1544572,6169	584600,8165
T11	1545014,6500	584286,2900	QS24	1544628,0200	584574,6034
T12	1544968,7600	584568,7000	QS25	1544647,2990	584600,8165
T13	1544706,8200	584404,2900	QS26	1544762,5882	584600,8165
T14	1544445,7400	584568,7000	QS27	1544722,5388	584463,9808
T15	1543985,2300	584895,2200	QS28	1544992,5947	584285,0164
T16	1543679,1800	585085,8400	QS29	1542249,5216	586243,7934
T17	1543366,0900	585299,6200	QS30	1542249,5611	586300,3088
T18	1542739,4400	585645,2100	QS31	1542305,6121	586384,8893
T19	1542539,1600	585764,2300	QS32	1542339,4561	586412,1280
T20	1542339,7800	585894,7900	QS33	1542381,2392	586400,2316

T21	1542224,2800	585955,7900	QS34	1542525,2553	586309,0869
T22	1542024,3500	586037,4700	QS35	1542496,5097	586265,7100
T23	1541936,7300	586063,7500	QS36	1542414,4587	586312,7738
QS1	1541700,1400	586062,500	QS37	1542351,8681	586208,9595
QS2	1541374,6900	586128,8200	QS38	1542312,9116	586201,7853
QS3	1541396,9600	586249,4300	QS39	1544284,1691	584895,4448
QS4	1541483,8590	586436,2850	QS40	1544275,5955	584934,1169
QS5	1541466,3998	586447,8551	QS41	1544346,8178	585032,2444
QS6	1541489,0060	586492,8567	QS42	1544300,5184	585068,5989
QS7	1541505,1827	586482,1365	QS43	1544329,3234	585111,9729
QS8	1541545,6978	586569,2543	QS44	1544573,7125	584951,6345
QS9	1542093,1238	586206,4783	QS45	1544544,9668	584908,2575
QS10	1542133,1732	586266,9125	QS46	1544462,9192	584955,3047
QS11	1542409,6670	586083,6817	QS47	1544402,4254	584855,1500
QS12	1542394,4759	586060,7584	QS48	1544361,3484	584844,2985
QS13	1542413,9897	585993,8423			

- Quy mô:

+ Xây dựng đường Cát hạ cánh (CHC) số 2 (33L-15R) nằm song song, cách đường CHC hiện hữu 215m về phía Tây với chiều dài 3.048m, chiều rộng 45m, kích thước lề vật liệu theo quy định.

+ Hệ thống đường lăn: Xây dựng 03 đường lăn D1, D3, D5 nối từ đường CHC số 2 về đường CHC hiện hữu, chiều dài khoảng 170m, rộng 23m; Xây dựng 02 đường lăn D2, D4 thoát nhanh từ đường CHC số 2 về đường CHC hiện hữu, chiều dài khoảng 340m, rộng 23m; Xây dựng đường lăn B2 nối từ đường CHC hiện hữu về đường lăn song song, chiều dài khoảng 206,5m, rộng 23m; kích thước lề vật liệu theo quy định.

+ Xây dựng hệ thống đèn tín hiệu đảm bảo khai thác theo tiêu chuẩn CAT II tại đầu 33R đường CHC và đảm bảo theo tiêu chuẩn CAT I đầu 15L đường CHC số 2; lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng tự động, biển báo, trạm nguồn đồng bộ khai thác.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước khu bay, đường công vụ vành đai khu bay và hệ thống tường rào an ninh khu bay đồng bộ với đường CHC số 2 xây mới.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: San nền, xây dựng đường cát hạ cánh, xây dựng đường lăn, xây dựng hệ thống đèn tín hiệu, hệ thống quan trắc khí tượng tự động, biển báo, trạm nguồn đồng bộ khai thác, hệ thống thoát nước mưa, đường công vụ vành đai khu bay và hệ thống tường rào an ninh khu bay.

1.3.2. Các công trình di dời, hoàn trả: Hoàn trả Quốc lộ 19B chiều dài khoảng 1.925m; hoàn trả đường dân sinh chiều dài khoảng 578,5m; di dời đê K5; cải táng khoảng 1.000 ngôi mộ.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: bố trí 02 công trường với tổng diện tích khoảng 1.000m²; bố trí 02 trạm trộn bê tông xi măng công suất 80m³/h; 01 bãi thải diện tích 40.000m² tại thửa đất số 152A tờ bản đồ số 8 thuộc khu lò gạch cũ thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn.

1.3.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường (trong giai đoạn thi công xây dựng):

Bố trí 02 nhà vệ sinh di động; 02 hố lắng khu vực trạm trộn với dung tích 2m³/hồ; 02 hồ lắng khu vực xít rửa bánh xe với dung tích 16m³/hồ; 04 hồ giảm tốc, kết hợp lắng nước mưa chảy tràn (02 hồ giảm tốc dung tích 504m³/hồ; 02 hồ giảm tốc dung tích 252 m³/hồ) bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định. Ngoài ra, Chủ dự án phải phối hợp các đơn vị thi công bố trí các hố giảm tốc trước các khu vực thoát nước từ dự án vào các mương tưới tiêu, thủy lợi nhằm đảm bảo nước mưa chảy tràn không gây sa bồi, thủy phá, ảnh hưởng đến hoạt động, sản xuất của người dân khu vực.

1.3.5. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án;
- Hoạt động di dân, tái định cư cho các hộ bị chiếm dụng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 2 vụ (LUC) với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 75.470,0 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 2 vụ (LUC) với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 75.470 m² và khoảng 565.300 m² đất rừng sản xuất ảnh hưởng đến sinh kế của người dân

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động vận chuyển đồ thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát khu vực phía Bắc và phía Nam dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng

khoảng 7,2m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công sau ngày làm việc, phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày/công trường (tuần hoàn tái sử dụng sau khi lắng cặn). Thành phần chủ yếu là đất, cát, cặn lơ lửng, ...

- Nước thải xây dựng từ hoạt động trạm trộn bê tông, phát sinh khoảng 2 m³/ngày (tuần hoàn tái sử dụng sau khi lắng cặn). Thành phần chủ yếu là đất, cát, cặn lơ lửng,...

- Nước thải xây dựng từ hoạt động rửa xe, phát sinh khoảng 10 m³/ngày (tuần hoàn tái sử dụng sau khi lắng cặn). Thành phần chủ yếu là đất, cát, cặn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 80 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng, bao gồm:

- + Sinh khối thực vật trong quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 1.000 tấn trong suốt quá trình thi công.

- + Đất đào không thích hợp phát sinh từ dự án với khối lượng khoảng 158.388,32m³.

- + Chất thải rắn từ quá trình bóc tách tầng đất mặt phát sinh khoảng 33.820,25m³.

- + Xà bần từ hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng 18.834,76 m³.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bình ắc quy hỏng,...) với khối lượng khoảng 200 kg/trong toàn bộ thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận

chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ngập úng cục bộ, ảnh hưởng tiêu thoát nước hiện trạng khu vực,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường (kết cấu 2 ngăn, mỗi ngăn $1,0m^3$). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng, thường xuyên nạo vét cặn lắng, đổ thải cùng chất thải rắn xây dựng.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe (bố trí 02 khu vực xịt rửa bánh xe tự động): thu gom về hố lắng tại mỗi khu vực rửa xe (kết cấu 2 ngăn, mỗi ngăn $08m^3$). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng, thường xuyên nạo vét cặn lắng đổ thải cùng chất thải rắn xây dựng.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường (kết cấu 2 ngăn, mỗi ngăn $1,0m^3$). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng, thường xuyên nạo vét cặn lắng đổ thải cùng chất thải rắn thi công.

- Nước mưa chảy tràn:

- + Tạo các dòng thu gom nước mưa tạm thời rộng 0,5m, sâu 0,2m trong khu vực thi công.

- + Bố trí các 04 hồ giảm tốc, kết hợp lắng tại các vị cuối tuyến mương trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận, cụ thể: 02 hồ giảm tốc dung tích $504m^3$ (kích thước $6 \times 24 \times 3,5m$) tại khu vực phía Đông Nam (đầu 33R) và Tây Bắc (đầu 15L); 02 hồ giảm tốc dung tích $252m^3$ (kích thước $4,2 \times 20 \times 3m$) tại khu vực phía Tây dự án.

- + Thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước, đảm bảo nước được lắng cặn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- + Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu; bố trí rãnh thu gom xung quanh, các gờ giảm tốc để hạn chế sa bồi, sạt lở tại khu vực bãi thải.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu đất đắp từ 02 mỏ đất gồm: mỏ đất TDPC21 (núi Hòn Dài) và núi Hòn Quýt được vận chuyển về dự án bằng 2 tuyến đường:

+ Mỏ đất TDPC21 (núi Hòn Dài) → đường bê tông liên xã → đường ĐT638 → đường Quốc lộ 19B → dự án;

+ Mỏ đất núi Hòn Quýt → đường bê tông liên xã → đường QL1A → đường Quốc lộ 19B → dự án;

- Đất dỡ tải nền đường dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân vận chuyển như sau: tuyến đường trục KKT nối dài → đường Quốc lộ 19B → dự án;

- Đất đào không thích hợp và xà bần phá dỡ công trình hiện hữu ra vào công trường, các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chở đúng tải trọng quy định 15 tấn.

- Bố trí 02 khu vực rửa xe trước khi ra khỏi dự án.

- Bố trí 02 khu vực chờ xe 2 đầu tiếp cận dự án.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo các tuyến đường vận chuyển và tại khu vực thi công.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi trong quá trình thi công (khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Tây Bắc và các khu vực tiếp giáp dự án (đường cất hạ cánh số 01, Trung đoàn Không quân 940, Trung đoàn Không quân 925, Cụm công nghiệp Đồi Hỏa Sơn) và tuyến đường vận chuyển đổ thải từ đầu đường Quốc lộ 19B đến khu vực bãi thải.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Bố trí rào tôn che chắn giữa đường cất hạ cánh số 1 và số 2, cách tim đường cất hạ cánh số 1 khoảng 105m, để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bay của cảng hàng không hiện hữu.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại các khu vực lán trại. Chất thải được thu gom trong ngày và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

+ Đối với đất bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp được quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa (tận dụng đắp tại vị trí dải bảo hiểm đường cát hạ cánh).

+ Đối với đất đào không thích hợp: khoảng 78.596,03 m³ được tận dụng đắp tại vị trí dải bảo hiểm đường cát hạ cánh, phần còn lại khoảng 79.792,29 m³ được vận chuyển đổ thải.

+ Đối với xà bần: khoảng 18.834,76 m³ vận chuyển đổ thải.

Vị trí bãi thải: tại thửa đất số 152A tờ bản đồ số 8, khu lò gạch cũ thôn Thiết Tràng tại xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn; diện tích đổ thải khoảng 40.000m², chiều cao đổ thải khoảng 3m. Bố trí rào tôn khu vực tiếp giáp với Trang trại chăn nuôi của Công ty Cổ phần Công nghệ hữu cơ Thái An; phun nước tưới ẩm trong quá trình đổ thải, san gạt, lu lèn; tạo các rãnh thoát nước xung quanh khu vực bãi thải; gia cố tuyến đường đất nối từ đường bê tông nhựa hiện trạng vào bãi thải bằng lớp cấp phối đá dăm nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến các cơ sở và người dân lân cận và tuyến đường dân sinh.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Tại mỗi công trường thi công, bố trí 03 thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05m² tại khu vực lán trại, bãi đúc cầu kiện theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn;
- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa đất, rừng sản xuất

- Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với đất bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp được quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa (tận dụng đắp tại vị trí dải bảo hiểm đường cát hạ cánh).

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.4.3. Hoàn trả, chỉnh dòng các mương và cống để đảm bảo tiêu thoát nước khu vực, không gây ngập úng cục bộ.

4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường. Thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

- Đối với bãi thải tạo các rãnh thoát nước, gờ giảm tốc, hố giảm tốc.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát (05 điểm):

+ 01 vị trí tại khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án thuộc thôn Tân Lệ, xã Cát Tân. Tọa độ: $X = 1.545.398$; $Y = 584.565$.

+ 01 vị trí tại khu dân cư hiện trạng phía Tây thuộc thôn Tân Nghi, xã Nhơn Mỹ. Tọa độ $X = 1.543.292$; $Y = 584.906$.

+ 01 vị trí tại khu dân cư hiện trạng phía Nam dự án thuộc khu vực Vĩnh Phú, phường Nhơn Thành. Tọa độ $X = 1.541.327$; $Y = 586.259$.

+ 01 vị trí tại cảng hành không Phù Cát. Tọa độ $X = 1.543.400$; $Y = 586.085$

+ 01 vị trí tại Cụm công nghiệp Đồi Hỏa Sơn. Tọa độ $X = 1.542.242$; $Y = 585.615$

(Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15').

- Thông số giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần hoặc khi có ý kiến khiếu nại liên quan đến quá trình thực hiện dự án.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát (02 điểm):

+ 01 vị trí tại mương hiện trạng phía Đông Nam dự án thuộc phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn. Tọa độ: $X = 1.541.628$; $Y = 586.792$

+ 01 vị trí tại mương hiện trạng phía Tây Bắc thuộc thôn Tân Lệ, xã Cát Tân. Tọa độ $X = 1.545.306$; $Y = 584.299$

(Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15').

- Thông số giám sát: TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, DO.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần hoặc khi có ý kiến khiếu nại liên quan đến quá trình thực hiện dự án.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2. Giám sát sạt lở đất: Thường xuyên giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng xói lở, xác định quy mô, mức độ xói lở để có biện pháp xử lý kịp thời.

Vị trí giám sát: tại các khu vực mái taluy, khu vực đổ thải của dự án

5.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với an ninh sân bay lập các chốt gác tại khu vực tiếp giáp với các công trình sân bay hiện hữu; bố trí nhân sự thường xuyên theo dõi, giám sát không cho người và phương tiện máy móc thi công xâm nhập vào khu vực khai thác bay của Cảng hàng không, cán bộ chỉ huy trên công trường phải có bộ đàm để liên lạc với an ninh khu bay và đài chỉ huy.

- Chủ dự án phải thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn bay theo Thông tư số 04/VBHN-BGTVT ngày 10/01/2025 của Bộ Giao thông vận tải.

- Tổ chức tuyên truyền, niêm yết công khai thông tin về dự án tại địa phương và công trình.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.